

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 63 /2023/HNGĐ- ST

Ngày: 27 -4-2023

V/v Tr/c Cấp dưỡng nuôi con chung

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT- TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Cẩm và bà Nguyễn Thị Bận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Lệ Thủy – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 976/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc Tr/c Cấp dưỡng nuôi con chung; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 68/2023/QĐ- HNGĐ ngày 11/4/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Quốc A, sinh năm: 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

- Bị đơn: Bà Võ Thị Bích B, sinh năm: 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Quốc A trình bày:

Ông Trần Quốc A và bà Võ Thị Bích B trước đây là vợ chồng, đến năm 2019 thì ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 324/2019/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột ngày 31/12/2019.

Về việc nuôi dưỡng con chung theo Quyết định trên đã quyết định giao 02 con chung là cháu Trần Quốc H, sinh ngày 15/8/2009 và cháu Trần Lan N, sinh ngày 05/6/2016 cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông A không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung.

Tuy nhiên, từ khi ly hôn đến nay đã 03 năm, cô B chỉ đến thăm các cháu được 02 lần. Cô B biết cháu N bị căn bệnh lupus ban đỏ hệ thống tổn thương phủ tạng, tổn thương thận mãn tính nhóm IV-V, điều trị lâu dài tại Bệnh viện nhi đồng 2 thành phố Hồ Chí Minh nhưng cô B vẫn không quan tâm, hỏi thăm tình trạng sức khỏe cháu, cũng như không vào bệnh viện chăm sóc con. Đối với cháu Trần Quốc H thì chi phí tiền học và ăn uống, sinh hoạt hàng ngày hết khoảng 5.000.000đ/ tháng. Một mình tôi vừa lo chăm sóc các cháu, vừa làm kinh tế nên gặp khó khăn, do đó tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc cô Võ Thị Bích B phải có trách nhiệm, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung với mức cấp dưỡng 2.500.000 đồng/ cháu/ tháng; cấp dưỡng theo quý (thời gian từ ngày 1 đến ngày 10 đầu quý).

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Võ Thị Bích B: Xác định những nội dung như ông A trình bày về việc bà và ông A ly hôn và giao 02 con chung là cháu Trần Quốc H, sinh ngày 15/8/2009 và cháu Trần Lan N, sinh ngày 05/6/2016 cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng là đúng.

Nay ông A khởi kiện Tòa án, yêu cầu bà B phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung với mức cấp dưỡng 2.500.000 đồng/ cháu/ tháng; cấp dưỡng theo quý (thời gian từ ngày 1 đến ngày 10 đầu quý) thì ý kiến của bà là không đồng ý. Lý do:

- Sau khi ly hôn, bà B vẫn có trách nhiệm với con cái, vẫn mua sữa, bánh cho con nhưng khi bà B muốn thăm con thì ông A luôn gây khó dễ với bà B.

- Khi phát hiện cháu N bị bệnh bà B có trao đổi với ông A giao cháu cho bà chăm sóc nhưng ông A không đồng ý chứ không phải bà không có trách nhiệm với con cái, bằng chứng là bà có mua thuốc cho cháu uống phải gửi từ Tây Ninh về, có sao kê của Ngân hàng và bà đã khởi kiện yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi dưỡng con chung là cháu Lan N nhưng không được Tòa án chấp nhận.

- Hiện tại bà đang ở nhờ nhà ngoại và đã thất nghiệp từ tháng 8/2022, chưa có việc làm và không có nguồn thu nhập nào để lo cho bản thân nên bà không thể cấp dưỡng 2.500.000 đồng/ cháu/ tháng được.

Đối với chi phí ăn học của cháu H và cháu N theo ông A trình bày mỗi cháu hết khoảng 5.000.000đ/ tháng, bà không đồng ý vì thời điểm trước khi bà và ông A ly hôn bà là người trực tiếp trang trải chi phí sinh hoạt trong gia đình thì mức chi phí không đến mức đó, còn bệnh của cháu N thì phải điều trị dài ngày nhưng mức chi phí cũng không cố định nên bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông A, bà sẽ cố gắng tìm việc và cân đối chi phí sinh hoạt cho bản thân thì sẽ cấp dưỡng theo khả năng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- *Về tố tụng:* Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa HĐXX cũng như nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định tại điều 70, điều 71 BLTTDS.

Về nội dung: Căn cứ khoản 20, 24 Điều 3; Các Điều 107, 110, 116, 117, 118, 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quốc A đối với bị đơn bà Võ Thị Bích B về việc cấp dưỡng nuôi con.

Buộc bà Võ Thị Bích B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Trần Quốc H, sinh ngày 15/8/2009 và cháu Trần Lan N, sinh ngày 05/6/2016 với mức cấp dưỡng mỗi tháng là $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu.

Về án phí: Bà B phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về cấp dưỡng, bị đơn bà Võ Thị Bích B cư trú tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của của ông Trần Quốc A V/v Yêu cầu bà Võ Thị Bích B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là các cháu Trần Quốc H, sinh ngày 15/8/2009 và cháu Trần Lan N, sinh ngày 05/6/2016.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ông A và bà Võ Thị Bích B trước đây là vợ chồng có đăng ký kết hôn, đến năm 2019 thì ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 324/2019/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột ngày 31/12/2019. Theo quyết định trên đã giao 02 con chung là cháu Trần Quốc H, sinh ngày 15/8/2009 và cháu Trần Lan N, sinh ngày 05/6/2016; cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con ông A không yêu cầu.

Năm 2022 bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung là cháu Trần Lan N, nhưng không được Tòa án chấp nhận (Bản án số 112/2022/HNGĐ-ST ngày 09/8/2022)

Hiện nay 02 con chung vẫn đang do ông A trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu H sức khỏe bình thường, nhưng tiền chi phí học tập, ăn uống sinh hoạt ngày càng nhiều khoảng 5.000.000đ/tháng; riêng cháu N bị căn bệnh lupus ban đỏ hệ thống tổn thương phủ tạng, tổn thương thận mãn tính nhóm IV-V, điều trị lâu dài tại Bệnh viện nhi đồng 2 thành phố H nên ông A vừa phải lo chăm sóc con vừa lo về kinh tế để nuôi các con chung ăn học và chữa trị bệnh nên gặp khó khăn, trong khi chi phí học tập, sinh hoạt cho hai cháu mỗi tháng hết khoảng 10.000.000đ, do đó ông A

yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà B cấp dưỡng nuôi con chung cùng ông mỗi cháu 2.500.000đ/ tháng.

Tại phiên tòa, bà B và ông A cùng xác nhận các con chung hiện chưa thành niên và đang do ông A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên ông A nộp đơn yêu cầu bà B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với Điều 82, 110, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận được với nhau về mức cấp dưỡng nuôi con và nguyên đơn xác định các chi phí phục vụ nhu cầu học tập và chi phí sinh hoạt hàng tháng của cháu H và cháu N tổng cộng là khoảng 10.000.000 đồng và chi phí điều trị bệnh cho cháu N là 8.200.000đ. Quá trình giải quyết và tại phiên Tòa ông A yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con chung cùng ông mỗi cháu 2.500.000đ/ tháng. Hội đồng xét xử xét thấy: tại khoản 1 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết”*.

Qua kết quả xác minh thì hiện nay bà B không có công việc và thu nhập ổn định nhưng xét về nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung thì cả cha và mẹ đều phải có nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung cho nên yêu cầu của ông A là có cơ sở. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xem xét về nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng cũng như để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con chung và căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người cấp dưỡng, thì mức cấp dưỡng do nguyên đơn yêu cầu là không thực tế nên chỉ có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Trần Quốc H, sinh ngày 15/8/2009 và cháu Trần Lan N, sinh ngày 05/6/2016 với mức cấp dưỡng mỗi cháu là 1.500.000 đồng /tháng và phương thức cấp dưỡng theo từng tháng từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành là phù hợp

[3] Về án phí: Bị đơn bà B phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là phù hợp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 220; Điều 235; Điều 238; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 20, 24 Điều 3; Các Điều 107, 110, 116, 117, 118, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

[2]**Tuyên xử:** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quốc A đối với bị đơn bà Võ Thị Bích B về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Buộc bà Võ Thị Bích B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Trần Quốc H, sinh ngày 15/8/2009 và cháu Trần Lan N, sinh ngày 05/6/2016 với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 1.500.000 đồng/ cháu (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Phương thức cấp dưỡng: Cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi người được cấp dưỡng đủ tuổi trưởng thành.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Bà Võ Thị Bích B phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Minh Nguyệt

